

Số: 240 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 10 năm 2018

TT CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
ĐẾN	Số: 3937
	Ngày: 29/10/18
	Chuyên: Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tháng 10 và nhiệm vụ trọng tâm 02 tháng cuối năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tháng 10 và nhiệm vụ trọng tâm 02 tháng cuối năm 2018 của tỉnh Quảng Ngãi

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

Trong tháng, tình hình triển khai các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP tiếp tục được tỉnh Quảng Ngãi thực hiện chủ động, tích cực, trách nhiệm. UBND tỉnh quán triệt và nghiêm túc tổ chức thực hiện theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Tỉnh ủy về nâng cao kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả hoạt động chỉ đạo, điều hành. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Nhất là chỉ đạo rà soát các mục tiêu, nhiệm vụ cả năm để kịp thời triển khai thực hiện đạt kế hoạch; đồng thời chỉ đạo hoàn thiện việc xây dựng chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.

Nghiêm túc triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo và chương trình công tác trong tháng, tuần của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh ủy. Tập trung chỉ đạo, triển khai, đánh giá, báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện 04 kết luận, 05 nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XIX.

Thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn liên quan đến đất đai, nông nghiệp nông thôn, ứng dụng công nghệ thông tin, khởi nghiệp, phát triển du lịch... Chủ động gặp gỡ, tiếp xúc nhà đầu tư; tổ chức Hội nghị tôn vinh "Doanh nhân, Doanh nghiệp tiêu biểu tỉnh Quảng Ngãi lần thứ VI-2018" nhân Ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10).

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG, AN NINH THÁNG 10 NĂM 2018

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Sản xuất công nghiệp, đầu tư và xây dựng

a) Sản xuất công nghiệp

Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 9.664 tỷ đồng¹, giảm 1,5% so với tháng trước, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 10 tháng, giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 96.806 tỷ đồng, đạt 87% kế hoạch năm, tăng 16,2% so với cùng kỳ 2017; nếu không tính sản phẩm lọc hóa dầu thì tăng 9,6%. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước đạt 80.067 tỷ đồng, tăng 17,3%; kinh tế

¹ Theo giá CEĐ 2010.

ngoài nhà nước đạt 12.476 tỷ đồng, tăng 4% và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4.264 tỷ đồng, tăng 39,3%.

Một số sản phẩm tăng khá so với cùng kỳ 2017: Thủy sản chế biến, đường RS, quần áo may sẵn, gạch xây, nước khoáng và nước tinh khiết, nước máy, dăm gỗ nguyên liệu giấy, sản phẩm lọc hóa dầu, điện thương phẩm... Tuy nhiên, có một số sản phẩm giảm so cùng kỳ: Bia các loại, bánh kẹo các loại, nước ngọt các loại, tinh bột mỳ, điện sản xuất,...

b) Đầu tư và xây dựng

Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển của tỉnh năm 2018 là 4.259,585 tỷ đồng². Đến nay, đã phân khai hết kế hoạch vốn 2018 để các đơn vị triển khai thực hiện, cụ thể: Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 2.705,450 tỷ đồng³; nguồn vốn ngân sách Trung ương: 1.554,135 tỷ đồng, bao gồm: (1) Hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg là 128,224 tỷ đồng; (2) Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 327,611 tỷ đồng (phần vốn đầu tư phát triển); (3) Vốn Chương trình mục tiêu là 318 tỷ đồng; (4) Vốn trái phiếu Chính phủ là 550 tỷ đồng; (5) Nguồn vốn ODA là 230,3 tỷ đồng.

Đến ngày 22/10/2018, tổng giá trị giải ngân là 2.867,45 tỷ đồng, bằng 67,3% kế hoạch năm, cụ thể: Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giải ngân 1.853,13 tỷ đồng, bằng 68,5% kế hoạch giao; nguồn vốn ngân sách Trung ương giải ngân là 1.014,32 tỷ đồng, bằng 65,3% kế hoạch giao.

1.2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Về trồng trọt: Lúa vụ Hè - Thu gieo sạ ước đạt 34.153,4 ha, giảm 0,3% (114,5 ha)⁴; năng suất lúa đạt 58,8 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha; sản lượng đạt 200.953,9 tấn, giảm 39,6 tấn⁵ so với cùng vụ năm 2017. Các loại cây hoa màu vụ mùa không biến động nhiều.

Về chăn nuôi: Chăn nuôi có sự chuyển biến tích cực do giá thu mua lợn vẫn đang có xu hướng tăng; giá thịt bò hơi vẫn giữ ổn định. Ước tính tại thời điểm cuối tháng 10/2018, đàn trâu toàn tỉnh có 71.655 con, tăng 1,2% (879 con); đàn bò có 280.150 con, tăng 0,4% (1.010 con); đàn lợn có 404.380 con, giảm 0,9% (3.820 con)⁶; đàn gia cầm đạt có 5.570 ngàn con, tăng 11,6% so với cùng thời điểm năm 2017.

b) Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng tập trung ước đạt 2.977 ha, tăng 4,5% (127 ha); sản lượng gỗ khai thác ước đạt 122.075 m³, tăng 10,4% (11.509 m³) so với cùng kỳ năm 2017. Lũy kế 10 tháng, diện tích rừng trồng tập trung đạt 12.301 ha, tăng 7,5% (862 ha); sản lượng gỗ khai thác đạt 1.061.897 m³, tăng 10%

² Không bao gồm 155 tỷ đồng vốn bội chi ngân sách địa phương.

³ Bao gồm 600 tỷ đồng từ nguồn thu sử dụng đất và 70 tỷ đồng vốn xỏ số kiến thiết.

⁴ Do chuyển đổi diện tích lúa không hiệu quả sang gieo trồng các loại cây khác.

⁵ Do năng suất tăng nhưng diện tích giảm.

⁶ Đàn lợn giảm là do giá thịt lợn hơi đầu năm giảm làm ảnh hưởng đến thu nhập của người nuôi, dẫn đến hạn chế thả nuôi lại sau xuất chuồng.

(96.634 m³) so với cùng kỳ năm 2017. Phát hiện 31 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Tính từ đầu năm đến giữa tháng 10, toàn tỉnh phát hiện 265 vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng; trong đó, có 24 vụ phá rừng, phát rừng với diện tích 7,05 ha; xảy ra 03 vụ cháy rừng với tổng diện tích bị cháy là 5,43 ha⁷, tăng 1 vụ (3,36 ha).

c) Thủy sản

Sản lượng thủy sản ước đạt 23.642 tấn, tăng 46,9% (7.548 tấn) so với tháng 10/2017; trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 22.925 tấn, tăng 50,8%; sản lượng nuôi thu hoạch ước đạt 717,7 tấn, giảm 19,9 % (178,6 tấn). Ước tính 10 tháng, sản lượng thủy sản đạt 230.011,6 tấn, tăng 25,8% (47.231,3 tấn) so với cùng kỳ năm 2017; trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 223.911 tấn, tăng 26,6%; sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 6.100,5 tấn, tăng 2,6% (152,1 tấn).

1.3. Thương mại và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.357,8 tỷ đồng, tăng 0,5% so với tháng trước. Lũy kế 10 tháng, ước đạt 42.333,3 tỷ đồng, tăng 10,7% so với cùng kỳ 2017.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,69% so với tháng trước; tăng 2,92% so với cùng tháng năm trước; tăng 2% so với tháng 12 năm trước; CPI bình quân 10 tháng tăng 3,1%.

Kim ngạch xuất khẩu ước đạt 72,8 triệu USD, tăng 9,4% so với tháng trước. Lũy kế 10 tháng ước đạt 492,4 triệu USD, tăng 28,6% so với cùng kỳ 2017 và vượt 9,4% kế hoạch năm. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu có vốn trong nước đạt 314 triệu USD, tăng 44,5%; kim ngạch xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài đạt 179 triệu USD, tăng 7,9%. Một số sản phẩm xuất khẩu đạt khá như: Đồ gỗ, sợi bông, giày dép các loại, dầu FO, tinh bột mì, may mặc, sản phẩm cơ khí, nguyên liệu giấy (dăm gỗ).

Kim ngạch nhập khẩu ước đạt 98,2 triệu USD, giảm 8,6% so với tháng trước nhưng tăng mạnh so với cùng kỳ 2017⁸. Lũy kế 10 tháng ước đạt 853 triệu USD, tăng 89% so với cùng kỳ năm trước và đạt 90,7% kế hoạch năm.

Hoạt động vận tải (không kể vận tải đường sắt): Doanh thu vận tải và các hoạt động dịch vụ vận tải trong tháng ước đạt 328,1 tỷ đồng, giảm 4,41% so với tháng trước và tăng 14,13% so với cùng kỳ năm 2017. Lũy kế 10 tháng đầu năm ước đạt 3.206,8 tỷ đồng, tăng 13,21% so với cùng kỳ năm 2017.

1.4. Thu chi ngân sách

Tổng thu ngân sách trên địa bàn ước đạt 1.114 tỷ đồng; trong đó, thu nội địa ước đạt 883 tỷ đồng⁹, thu hoạt động xuất nhập khẩu ước đạt 231 tỷ đồng. Lũy kế 10 tháng, ước đạt 15.884 tỷ đồng, tăng 66,4% so với cùng kỳ năm 2017, đạt 108,4% dự toán năm (vượt dự toán); trong đó, thu nội địa đạt 13.410 tỷ đồng, tăng 52% và đạt 95,9% dự toán năm, thu hoạt động xuất nhập khẩu 2.475

⁷ Rừng trồng.

⁸ Tăng chủ yếu là do nhập khẩu máy móc, phụ tùng, sắt thép phục vụ xây dựng Khu liên hiệp Gang thép Hòa Phát Dung Quất.

⁹ Trong tổng thu nội địa, nguồn thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất khoảng 499 tỷ đồng.

tỷ đồng, tăng mạnh so với cùng kỳ (242,3%) và đạt 369,4% dự toán năm.

Tổng chi ngân sách địa phương khoảng 668 tỷ đồng, trong đó, chi đầu tư phát triển 120 tỷ đồng, chi thường xuyên 547 tỷ đồng. Lũy kế 10 tháng, tổng chi ngân sách địa phương khoảng 9.899 tỷ đồng, tăng 34,9% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 81,1% dự toán năm; trong đó, chi đầu tư phát triển 4.305 tỷ đồng, bằng 141,3% dự toán năm; chi thường xuyên 5.593 tỷ đồng, bằng 70,2% dự toán năm.

1.5. Thu hút đầu tư và quản lý doanh nghiệp

Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài (FDI): Trong tháng, không có dự án FDI được cấp mới. Tính từ đầu năm đến hết tháng 10, đã cấp mới 9 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 32,06 triệu USD. Lũy kế đến nay, có 56 dự án FDI còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký 1.428,52 triệu USD. Trong đó, có 31 dự án hoàn thành đi vào sản xuất kinh doanh, 22 dự án đang triển khai các hoạt động đầu tư, 03 dự án tạm dừng hoạt động¹⁰.

Tình hình đầu tư trong nước: có 02 dự án được cấp chủ trương đầu tư¹¹ với tổng vốn đăng ký khoảng 126,91 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm đến tháng 10/2018, có 93 dự án¹² đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký là 10.007 tỷ đồng.

Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong tháng tính đến ngày 20/10/2018 là 50 doanh nghiệp¹³, tăng 6% so với cùng kỳ năm 2017; vốn đăng ký 680 tỷ đồng, tăng 2 lần so với cùng kỳ năm 2017; vốn đăng ký bình quân/doanh nghiệp: 13,6 tỷ đồng/doanh nghiệp. Lũy kế 10 tháng, toàn tỉnh có 625 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới¹⁴ với số vốn đăng ký là 6.409,66 tỷ đồng, tăng 5,2% về số doanh nghiệp nhưng giảm 51,4% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ 2017.

1.6. Tài nguyên môi trường

Tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư không đảm bảo tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm; giám sát chặt chẽ hoạt động của các nhà máy có xả thải ra môi trường. Đẩy mạnh cấp quyền khai thác khoáng sản thông qua đấu giá đồng thời tăng cường quản lý tài nguyên, khoáng sản.

1.7. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Xây dựng dự thảo Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2019-2020 trên địa bàn tỉnh; thành lập đoàn thẩm tra, thẩm định đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2018-2020. Báo cáo kết quả kiện toàn bộ máy tổ chức thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới các

¹⁰ Theo đề nghị của Nhà đầu tư.

¹¹ 02 dự án ngoài KKT, KCN.

¹² Trong đó: 64 dự án ngoài khu KKT, KCN với tổng vốn đăng ký là 4.229 tỷ đồng, 29 dự án trong KKT, KCN với tổng vốn đăng ký là 5.778 tỷ đồng.

¹³ Trong đó: 01 DNTN, 16 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 31 công ty TNHH MTV, 02 công ty cổ phần và 07 chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký thành lập mới.

¹⁴ Trong đó, công ty cổ phần 58 đơn vị; công ty TNHH 2TV trở lên 198 đơn vị; công ty TNHH 1TV 360 đơn vị; doanh nghiệp tư nhân 09 đơn vị.

cấp gửi Văn phòng nông thôn mới trung ương.

2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Giáo dục và đào tạo

Tiếp tục triển khai thực hiện các kết luận, nghị quyết chuyên đề, kế hoạch, đề án, dự án; văn bản chỉ đạo của các cấp có liên quan đến giáo dục và đào tạo. Xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục bền vững đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030,... Bồi dưỡng thường xuyên chuyên môn nghiệp vụ năm 2018 cho cán bộ quản lý giáo dục và giáo viên của các cấp học; thanh tra các khoản thu đầu năm học 2018-2019 trong nhà trường tại các cơ sở giáo dục trong tỉnh; thi chọn học sinh giỏi lớp 12 với 1.130 em/39 đơn vị¹⁵ dự thi.

2.2. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân tiếp tục được đẩy mạnh; kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo các đơn vị thực hiện tốt công tác giám sát các loại dịch bệnh, nhất là bệnh tay chân miệng¹⁶; chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường kiểm soát dịch, tuyên truyền người dân và cơ sở giáo dục có biện pháp phòng bệnh cho trẻ. Tiếp tục duy trì và phát huy tốt hoạt động khám chữa bệnh tại các tuyến, nhất là các bệnh viện tuyến huyện. Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh.

Tiếp tục tăng cường các công tác truyền thông phòng, chống dịch bệnh tại các bệnh viện và trên các phương tiện thông tin đại chúng; triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số nhằm khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường, bảo đảm sức khỏe cộng đồng.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tập trung vào các quầy tạp hóa, chợ, các nơi bán thực phẩm hàng ngày, bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm cho người tiêu dùng.

2.3. Lao động, Thương binh và Xã hội

Công tác giải quyết việc làm được tiếp tục chú trọng. Trong tháng, tổ chức 02 phiên giao dịch việc làm. Công tác giải quyết các chế độ chính sách đối với thương binh, liệt sỹ và người có công thực hiện tốt theo quy định hiện hành của Nhà nước. Giải quyết trợ cấp một lần cho 32 hồ sơ truy tặng Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Kiểm tra tình hình thực hiện công tác chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội thông qua hệ thống bưu điện. Xây dựng phương án cứu trợ, khắc phục hậu quả thiên tai xảy ra, bảo đảm ổn định đời sống nhân dân.

2.4. Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tập trung tuyên truyền, tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ sôi động kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện trọng đại trong tháng như: kỉ niệm 88 năm Ngày thành lập Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam (20/10/1930 -

¹⁵ Trong đó có 36 trường THPT, 03 Trung tâm GDNN-GDTX.

¹⁶ Tính đến tháng 10/2018, có hơn 1.300 em bé ở Quảng Ngãi mắc tay chân miệng, gấp đôi so với cùng kỳ năm 2017.

20/10/2018), kỷ niệm Ngày toàn dân Phòng cháy chữa cháy (4/10)... Tổ chức thành công các môn thi đấu nằm trong Đại hội Thể dục, thể thao tỉnh và tập huấn cho các vận động viên chuẩn bị tham gia Đại hội thể dục thể thao toàn quốc năm 2018. Các đội tuyển thể thao của tỉnh tham gia thi đấu giành được 16 Huy chương Vàng, 26 Huy chương Bạc và 30 Huy chương Đồng.

Về du lịch: Lượng khách đến tham quan tại tỉnh ước đạt 61.000 lượt người¹⁷, giảm 44% so với tháng 9 và tăng 2% so với cùng kỳ năm 2017. Tổng doanh thu ước đạt 68 tỷ đồng¹⁸, giảm 35% so với tháng 9 và tăng 23% so với cùng kỳ năm 2017. Tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng tại 04 huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Ba Tư, Nghĩa Hành giai đoạn 2018-2020 và chuẩn bị các điều kiện tổ chức Hội thảo quốc gia về phát triển du lịch Quảng Ngãi năm 2018.

2.5. Thông tin, truyền thông và Phát thanh truyền hình

Chủ động tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các hoạt động, sự kiện chính trị của đất nước và của tỉnh như: Ngày pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Đại hội đại biểu Hội sinh viên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi lần thứ II, nhiệm kỳ 2018-2023; tuyên truyền về biển và hải đảo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi...

2.6. Khoa học và Công nghệ

Công tác quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đảm bảo đúng quy định. Công tác thông tin, thống kê, truyền thông và phổ biến các kết quả khoa học và công nghệ được chú trọng đúng mức, đáp ứng nhu cầu xã hội. Tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước về công nghệ, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ; xây dựng kế hoạch khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh năm 2018; hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xác lập quyền sở hữu trí tuệ.

3. Lĩnh vực nội chính, đối ngoại và quốc phòng an ninh

3.1. Công tác thanh tra, khiếu nại, tố cáo

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị, các tổ chức doanh nghiệp¹⁹; qua thanh tra kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 5.616,35 triệu đồng sai phạm, kiến nghị xử lý khác 1.079,97 triệu đồng²⁰.

Công tác tiếp dân, xử lý khiếu nại, tố cáo được đẩy mạnh. Các cơ quan hành chính và lãnh đạo tỉnh đã tiếp 46 lượt/83 người/45 vụ việc, trong đó, có 04 lượt đoàn đông người của 03 vụ việc. Tiếp nhận và xử lý 121 đơn của 120 vụ việc.

3.2. Công tác tư pháp

¹⁷ Trong đó: khách quốc tế ước đạt 6.000 lượt; giảm 59% so với tháng 9, tăng 42% so với cùng kỳ năm 2017.

¹⁸ Trong đó, thu bằng ngoại tệ 560.000USD, giảm 64 % so với tháng 9 và tăng 2% so với cùng kỳ năm 2017.

¹⁹ Thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế tại 20/20 doanh nghiệp; Thanh tra hành chính đối với UBND huyện Bình Sơn và các đơn vị trực thuộc; Kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch PCTN, Kế hoạch thanh tra, kiểm tra; việc chấp hành trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra; việc theo dõi, đơn đốc sau thanh tra tại 05 đơn vị.

²⁰ Kiến nghị giảm lỗ năm sau 947,42 triệu đồng; kiến nghị khấu trừ thuế VAT 132,55 triệu đồng

Triển khai thực hiện nghiêm túc công tác thẩm định văn bản quy phạm pháp luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật được tổ chức thường xuyên, trong đó chú trọng các đối tượng là học sinh trung học phổ thông và đối tượng đặc thù (ngư dân). Tiếp tục đạt kết quả tích cực trong công tác hành chính, hỗ trợ tư pháp và trợ giúp pháp lý. Hoạt động thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tư pháp đã kịp thời phát hiện ra những sai phạm, kiến nghị biện pháp xử lý, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả công tác tư pháp tại cơ sở.

3.3. Công tác Nội vụ

Công tác tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế được tích cực triển khai thực hiện; tuyển dụng, thuyên chuyển, đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức, viên chức được chú trọng quan tâm thực hiện kịp thời, đáp ứng nhu cầu công việc của các cơ quan, đơn vị. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh; kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức từ chuyên viên lên chuyên viên chính tại tỉnh.

3.4. Công tác Ngoại vụ

Tổ chức triển khai thực hiện tốt công tác đối ngoại theo kế hoạch đã đề ra; hướng dẫn, quản lý 06 đoàn vào với 12 người nước ngoài đến thăm, làm việc; xúc tiến, vận động viện trợ phi chính phủ nước ngoài đạt hơn 4,2 tỷ đồng, nâng tổng giá trị viện trợ trong 10 tháng đạt gần 94 tỷ đồng với 61 chương trình, dự án thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.

Trong tháng, có 02 tàu cá với 166 ngư dân bị tàu Trung Quốc ngăn cản, đập phá khi đang hoạt động hành nghề tại vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa. Tính đến thời điểm này còn 14 ngư dân²¹ đang bị nước ngoài bắt giữ. Tỉnh đã chỉ đạo ngành chức năng thực hiện tốt công tác bảo hộ ngư dân, tàu thuyền nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho ngư dân, tạo niềm tin cho bà con ngư dân an tâm vươn khơi bám biển.

3.5. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

Tiếp tục duy trì công tác đảm bảo giữ vững, ổn định quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã chỉ đạo các ngành, các cấp và nhân dân địa phương nâng cao ý thức và nghiêm túc chấp hành các quy định của Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; tăng cường tuyên truyền, tuần tra, kiểm soát và xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm trật tự, an toàn giao thông. Trong tháng, toàn tỉnh xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 13 người, bị thương 03 người.

Tóm lại: Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh trong tháng 10/2018 tiếp tục đạt được kết quả tích cực: Tổng thu ngân sách nhà nước, kim ngạch xuất khẩu hiện đã vượt kế hoạch đề ra trong năm 2018; giá trị sản xuất công nghiệp tăng, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng; các loại hoa màu tăng trưởng, phát triển tốt; công tác trồng rừng được đẩy mạnh; khai thác và nuôi trồng thủy sản duy trì ở mức cao; doanh thu vận tải và các hoạt động

²¹ Trong đó, Philippines: 05, Papua New Guinea: 04, Solomon: 03, Indonesia: 01, Malaysia: 01.

dịch vụ vận tải tăng so với cùng kỳ 2017.

Các lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao; thông tin, truyền truyền, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ được thực hiện hiệu quả, kịp thời. Tăng cường kiểm tra, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho nhân dân được chủ động chuẩn bị và thực hiện tốt. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính. Quốc phòng, an ninh chính trị, xã hội được giữ vững, an toàn trật tự xã hội được ổn định.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội của tỉnh còn tồn tại những khó khăn, thách thức như: tình hình thu hút các dự án FDI chậm; vấn đề đất đai, ô nhiễm môi trường còn diễn biến phức tạp, kéo dài ở một số địa phương; tiến độ triển khai thực hiện các dự án đã được cấp quyết định chủ trương đầu tư còn chậm....

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 02 THÁNG CUỐI NĂM 2018

Để thực hiện hoàn thành nhiệm vụ công tác 02 tháng cuối năm 2018, cần tiếp tục bám sát và triển khai thực hiện kịp thời chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2018; các nội dung chỉ đạo, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương; Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 về Chương trình công tác năm 2018 của UBND tỉnh, Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐND ngày 19/7/2018 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2018, trong đó tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc nội dung chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 6243/UBND-TH ngày 15/10/2018 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 06/10/2018 của Chính phủ.

2. Xây dựng, hoàn chỉnh các nội dung trình kỳ họp HĐND tỉnh khóa XII, kỳ họp cuối năm.

3. Căn cứ theo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ ngành Trung ương, tiếp tục rà soát, tổng hợp danh mục quy hoạch đã được phê duyệt còn hiệu lực; kiến nghị bãi bỏ theo thẩm quyền; xây dựng kế hoạch vốn lập quy hoạch tỉnh cho thời kỳ 2021 - 2030; tổ chức lập quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030.

4. Hoàn chỉnh kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công năm 2019; xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và giao kế hoạch cho các đơn vị.

5. Nghiêm túc phối hợp thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm hành chính công. Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn 3150-CV/TU ngày 28/9/2018 về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng chính quyền điện tử, công dân điện tử.

6. Thực hiện nghiêm túc về thu hồi vốn tạm ứng trên địa bàn tỉnh; đồng thời nghiêm túc thực hiện các quy định về tạm ứng vốn, thu hồi tạm ứng; tập trung xử lý thu hồi dứt điểm vốn tạm ứng quá hạn.

7. Tập trung giải quyết dứt điểm tồn tại, vướng mắc dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua huyện Bình Sơn.

8. Triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 3174-CV/TU ngày 05/10/2018 về việc chấn chỉnh tình trạng nợ đọng bảo hiểm bắt buộc của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

9. Tăng cường công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản; tăng cường công tác thanh tra, giám sát, công tác cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định. Đồng thời, tăng cường công tác quản lý và chấn chỉnh tình trạng ô tô vận chuyển cát khai thác từ sông Trà Khúc phóng nhanh, vượt ẩu, rơi vãi cát, gây mất an toàn giao thông, ô nhiễm môi trường.

10. Tăng cường quản lý hoạt động nhập khẩu, sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất trên địa bàn tỉnh theo nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 17/9/2018.

11. Triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông Xuân 2018-2019. Triển khai phương án vận hành, bảo đảm an toàn cho các đập, hồ chứa trong mùa mưa bão; tăng cường công tác nâng cao nhận thức, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm phòng tránh, ứng phó thiên tai dựa vào cộng đồng.

12. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới, ưu tiên cho các dự án phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân; rà soát, hướng dẫn các xã lập thủ tục công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018. Tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các nhiệm vụ, mục tiêu, phấn đấu đưa huyện Tư Nghĩa đạt chuẩn huyện nông thôn mới thứ hai của tỉnh.

13. Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

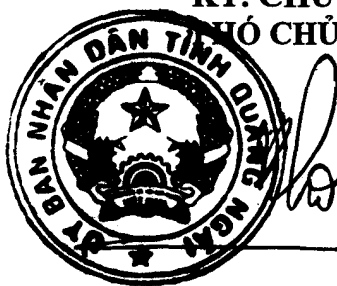
Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các P.Ng/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, P. THpcth207.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

HỒ CHỦ TỊCH



Phạm Trường Thọ



SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU THÁNG 10 NĂM 2018

Số 240/BC-UBND, ngày 25 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ước TH tháng 10/2018	Lũy kế 10 tháng năm 2018	% TH so với tháng trước	% TH so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế 10 tháng so với KH năm 2018
1. Nông nghiệp								
- Tổng diện tích lúa Hè Thu	Ha	35.165	34.153			99,7		97,1
2. Ngư nghiệp								
- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	170.000-180.000	22.925	223.911		150,8	126,6	127,9
3. Công nghiệp								
* Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh năm 2010)	Tỷ đồng	111.488	9.664,4	96.806,4	98,5	100,3	116,2	86,8
<i>* Một số sản phẩm chủ yếu:</i>								
- Thủy sản chế biến	Tấn	11.900	1.042	9.640	98,8	95,9	105,9	81,0
- Đường RS (Trên địa bàn tỉnh)	Tấn	11.312		12.895			114,0	114,0
- Bìa	1.000 lít	170.000	15.520	140.825	99,9	108,0	99,3	82,8
- Quần áo may sẵn	1.000 sp	16.500	1.565	12.939	99,4	107,4	113,0	78,4
- Bánh kẹo các loại	Tấn	16.500	1.366	10.980	121,3	81,6	86,2	66,5
- Sữa các loại (trên địa bàn tỉnh)	1.000 lít	104.000	7.800	77.755	86,7	102,3	97,5	74,8
- Nước khoáng	1.000 lít	80.000	8.921	75.069	103,8	122,7	111,4	93,8
- Đá xây dựng các loại	1.000 m ³	1.500	125	1.224	92,7	94,4	103,9	81,6
- Lọc hóa dầu	1000 tấn	6.500	573	5.881	99,0	98,4	118,1	90,5
- Phân bón hóa học	Tấn	33.000	1.875	1.325	70,7	96,2	101,8	4,0
- Gạch xây các loại	1.000 viên	477.000	42.088	405.565	95,2	128,0	106,2	85,0
- Tinh bột mì (Trên địa bàn tỉnh)	Tấn	58.000	7.000	29.972	124,5	87,8	79,8	51,7
- Dăm bột giấy	Tấn	670.000	55.750	716.240	104,8	95,5	132,6	106,9
4. Thương mại								
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ	Tỷ đồng	51.000	4.357,8	42.333,3	100,5	111,1	110,7	83,0
- Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	450	72,85	492,42	109,4	204,5	128,6	109,4
<i>* Mặt hàng XK chủ yếu</i>								
+ Thủy sản	"	17	1,369	14,063	106,7	87,6	90,9	82,7
+ Tinh bột mì	"	70	8,702	74,086	182,0	146,9	129,7	105,8
+ Đồ gỗ	"	4	0,410	3,757	126,9	303,7	148,1	93,9
+ Dăm gỗ nguyên liệu giấy	"	110	15,589	94,792	103,0	207,9	112,5	86,2
+ May mặc	"	21	1,909	19,140	78,8	118,6	106,5	91,1
+ Thực phẩm chế biến khác	"	9	0,829	7,378	100,7	38,0	79,9	82,0
+ Sản phẩm cơ khí	"	100	19	97	96	351	110,0	96,6
+ Dầu FO	"	30	11,920	74,809	142,2	288,6	205,5	249,4
+ Sợi, sợi dệt các loại	"	50	6,246	50,498	94,9	154,7	124,1	101,0
+ Điện tử các loại và linh kiện	"	14	0,810	8,334	84,6	64,2	67,8	59,5
+ Giày dép các loại	"	23	4,353	39,668	98,6	229,1	208,4	172,5
+ Hàng hoá khác	"	2	1,851	9,248	104,1	-	14.012,1	462,4
- Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	940	98,24	852,90	91,4	983,8	189,2	90,7
<i>* Mặt hàng NK chủ yếu</i>								
+ Máy móc, phụ tùng thay thế	"	650	74,918	483,844	808,1	6.548,8	902,0	7,1

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Ước TH tháng 10/2018	Lũy kế 10 tháng năm 2018	% TH so với tháng trước	% TH so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế so với cùng kỳ 2017	% TH lũy kế 10 tháng so với KH năm 2018
+ Sắt thép	"	35	9,412	46,360	123,3	981,4	82,9	612,9
+ Dầu thô	"	90	-	214,500	-	-	104,9	-
+ Nguyên, phụ liệu hàng may mặc	"	80	8,412	52,835	142,8	210,1	63,0	66,0
+ Bông các loại	"	45	4,699	40,588	105,0	213,7	125,9	90,2
+ Nguyên liệu, hương liệu, vật liệu sản xuất bia, sữa, bánh kẹo	"	5	0,414	7,641	48,1	56,6	116,1	152,8
+ Hàng hoá khác	"	35	0,380	7,130	81,0	40,1	51,4	20,4
5. Thu - Chi ngân sách								
- Tổng thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	14.913,5	1.114	15.902			166,6	106,6
- Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	14.655	1.114	15.884			166,4	108,4
Trong đó: - Thu nội địa	"	13.985	883	13.409,5			152,0	95,9
+ Trg đó: Thu từ NM lọc dầu	"	8.845	499	8.815,7			122,3	99,7
- Thu hoạt động XNK	"	670	231	2.475			342,3	369,4
- Tổng chi ngân sách địa phương	"	14.166	834,5	11.168,6			130,8	78,8